

NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

ĐOÀN VĂN DŨNG*

Giao dục đại học (GDĐH) nước ta trong những năm qua có sự chuyển biến về quy mô, chất lượng. Bức tranh chất lượng giáo dục đã có nhiều hơn những mảng màu tươi sáng. Tuy nhiên, một thực tế là chất lượng GDĐH ở nước ta còn ở mặt bằng rất thấp so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Theo bảng đánh giá chất lượng các trường đại học trên thế giới với 2.000 trường được nghiên cứu và 1.000 trường được xếp hạng thì trong bảng xếp hạng 500 trường đại học hàng đầu và 100 trường đại học khu vực châu Á - Thái Bình Dương, không một trường đại học Việt Nam nào có tên. Theo kết quả khảo sát từ đề tài trọng điểm cấp bộ do Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh thực hiện vừa được công bố, các nhà tuyển dụng phải đào tạo lại cho hơn 50% sinh viên tốt nghiệp, vì không đáp ứng được yêu cầu chuyên môn. Sự đánh giá của xã hội về nguồn nhân lực có trình độ đại học cùng những đánh giá về chất lượng GDĐH của các tổ chức quốc tế đã phần nào phản ánh thực trạng về chất lượng GDĐH ở nước ta. Yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đòi hỏi GDĐH cần có chuyển mình lớn về chất lượng. Nhà nước cần có những giải pháp tổng thể để quản lý chất lượng.

QLNN về chất lượng có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo đảm chất lượng GDĐH. Trong nhiều thập kỉ qua, chất lượng giáo dục nói chung và chất lượng GDĐH nói riêng luôn là mối quan tâm hàng đầu của toàn xã hội, của tất cả các

quốc gia. Trong Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ IX, Đảng ta đã khẳng định: “Phát triển giáo dục và đào tạo là một trong những động lực thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, là điều kiện để phát huy nguồn lực con người - yếu tố cơ bản để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững”. Văn kiện Đại hội Đảng X của Đảng khẳng định cần “Đổi mới cơ chế quản lý giáo dục” và “Hoàn thiện hệ thống đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục”.

Để nâng cao chất lượng giáo dục, một trong những biện pháp hữu hiệu đã được kiểm chứng tại nhiều quốc gia trên thế giới là xây dựng một cơ chế bảo đảm chất lượng hiệu quả; trong đó hoạt động quan trọng nhất là kiểm định chất lượng (KĐCL) giáo dục định kì. Tại Việt Nam, quan điểm này đã được Đảng và Nhà nước ta quán triệt và thể chế hoá tại Điều 17 về KĐCL trong *Luật Giáo dục* năm 2005: “Kiểm định chất lượng giáo dục là biện pháp chủ yếu nhằm xác định mức độ thực hiện mục tiêu, chương trình, nội dung giáo dục đối với nhà trường và cơ sở giáo dục khác. Việc kiểm định chất lượng giáo dục được thực hiện định kì trong phạm vi cả nước và đối với từng cơ sở giáo dục. Kết quả kiểm định chất lượng giáo dục được công bố công khai để xã hội biết và giám sát”. Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 02-11-2005 của Chính phủ về đổi mới cơ bản và toàn diện GDĐH Việt Nam giai

* Học viện Hành chính.

đoạn 2006-2020 đã xem kiểm định là một trong những giải pháp quan trọng để nâng cao chất lượng GDĐH.

Kiểm định là một cơ chế bảo đảm chất lượng. QLNN đối với công tác KĐCL giáo dục là một tất yếu khách quan. Chỉ trên cơ sở QLNN có hiệu quả thì công tác KĐCL GDĐH mới thực sự là một cơ chế bảo đảm chất lượng. Những yếu kém của nền giáo dục nước ta trong những năm qua đã được Hội nghị Trung ương 6 khoá IX của Đảng chỉ ra: “Giáo dục đại học về giáo dục yếu kém, thiếu tầm nhìn và giải pháp chiến lược, nặng về chỉ đạo nghiệp vụ cụ thể”. Nghị quyết Trung ương 6 khoá IX của Đảng khẳng định một trong những giải pháp để giải quyết những yếu kém của giáo dục nước ta đó chính là phải đổi mới mạnh mẽ quản lý giáo dục. Đối với GDĐH, QLNN về KĐCL là một định hướng cho việc đổi mới QLNN đối với cấp học quan trọng này.

Tuy nhiên, qua một thời gian triển khai thực hiện, công tác GDĐH về KĐCL giáo dục đã bộc lộ những hạn chế nhất định về cơ chế, chính sách quản lý, đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác quản lý. Trong định hướng đổi mới quản lý GDĐH, để nâng cao hiệu lực, hiệu quả QLNN đối với công tác kiểm định, hiện nay nhiều vấn đề đang đặt ra cần tiếp tục được đổi mới, hoàn thiện. Bài viết này xin chỉ ra những vấn đề lớn mà công tác QLNN về KĐCL cần có những giải pháp đồng bộ trong thời gian tới.

1. Giáo dục đại học trong kiểm định chất lượng giáo dục đại học cần được nhìn từ góc độ quản lý vĩ mô trong môi trường quan với môi trường kinh tế - xã hội và yêu cầu hội nhập.

Thứ nhất, GDĐH về KĐCL GDĐH nước ta đặt trong hoàn cảnh vừa phải chấp nhận sự chưa hoàn thiện của thị trường, vừa phải chịu áp lực của tư duy kế hoạch, chỉ huy quan liêu còn nặng nề. Sự phát triển của giáo dục nước ta trong thời kỳ đổi

mới đã chứng tỏ trong bất kỳ hoàn cảnh nào, giáo dục nước ta cũng phải đồng thời phục vụ cho mục tiêu tái sản xuất sức lao động cho kỹ thuật cao và mục tiêu tái sản xuất quan hệ sản xuất với định hướng xã hội chủ nghĩa, rút ngắn sự cách biệt giữa thành thị, nông thôn, miền núi, miền xuôi...

Thứ hai, GDĐH về KĐCL GDĐH của nước ta diễn ra trong xu thế quy mô hoá GDĐH ở tất cả các loại hình đào tạo, ngành học ngày càng tăng nhưng bộ máy điều hành còn nhiều bất cập và vẫn còn bỏ ngõ với vai trò quản lý một lĩnh vực mới mẻ này.

Thứ ba, GDĐH về KĐCL GDĐH ở nước ta diễn ra trong trạng thái: Cơ sở nhà trường muốn được tăng quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm song Nhà nước cần phải xác định được lộ trình phân cấp và khi phân cấp sự quản lý chất lượng sẽ được thực hiện như thế nào cho có hiệu quả.

Thứ tư, GDĐH về KĐCL GDĐH ở Việt Nam đặt trong tình thế dù có đều đặn được tăng lên song ngân sách cho giáo dục vẫn còn quá ít ỏi so với nhu cầu tổ chức quá trình giáo dục ở mức bình thường. Việc GDĐH về KĐCL không chỉ là chỉ đơn giản là sự kiểm tra, đánh giá, công nhận mà cơ quan GDĐH cần có những định hướng cho các cơ sở đào tạo có thể có những giải pháp phù hợp trong điều kiện nguồn lực để đảm bảo chất lượng.

Thứ năm, GDĐH về kiểm định GDĐH ở nước ta hiện nay đặt trong xu thế yêu cầu của nền kinh tế tri thức với xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế đòi hỏi phải có một nguồn nhân lực chất lượng cao trong khi chất lượng nguồn nhân lực của nước ta rất thấp. Đặc biệt là kiến thức hội nhập của học sinh, sinh viên nước ta: kiến thức phổ thông đại trà rất thấp; phần lớn những người tốt nghiệp không thể tiếp xúc đàm thoại với đối tác nói tiếng Anh hoặc các ngoại ngữ khác nhau như: Pháp, Trung Quốc, Nhật Bản...; kỹ năng về vi tính cũng

rất giới hạn; kỹ năng và kiến thức ngành chuyên môn ít được cập nhật bằng thông tin quốc tế. Điều này đặt ra vấn đề các tiêu chí KĐCL giáo dục cần được xây dựng và hoàn thiện theo thông lệ quốc tế, đảm bảo việc công nhận chất lượng giáo dục của một cơ sở đào tạo đại học trong nước được các quốc gia khác thừa nhận về giá trị.

Thứ sáu, trong GDDH về KĐCL giáo dục còn phải chịu sức ép giữa cung và cầu. Đó là mâu thuẫn giữa nhu cầu học vấn ngày càng tăng của nhân dân đối với khả năng đáp ứng có hạn của hệ thống giáo dục. Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IX năm 2001 đã chỉ ra đường lối chiến lược là xây dựng “cả nước thành một xã hội học tập” trong khi đó trên thực tế, chúng ta lại chưa tạo dựng được một cơ chế thông suốt cũng như một cơ sở vật chất đầy đủ, v.v. để chiến lược ấy có tính khả thi. Nhu cầu học tập của nhân dân thì nhiều mà Nhà nước không “cung ứng” đủ. Vì vậy, đã gây ra hiện tượng khủng hoảng “thiếu” trong GDDH. Tuy nhiên, nếu không có sự kiểm định, đánh giá thì chất lượng và hiệu quả GDDH sẽ không đáp ứng được mục tiêu. Nguồn nhân lực có trình độ đại học không thể đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Hiện nay, GDDH về KĐCL GDDH đang đứng trước mâu thuẫn lớn giữa yêu cầu vừa phải phát triển nhanh quy mô GDDH, vừa phải gấp rút nâng cao chất lượng GDDH, trong khi khả năng và điều kiện đáp ứng yêu cầu còn nhiều hạn chế, đó là mâu thuẫn trong quá trình phát triển mà nhà nước cần phải giải quyết trong việc thực hiện chức năng quản lý của mình.

2. Các yêu cầu đặt ra đối với thể chế giáo dục đại học trong kiểm định chất lượng.

Trong quy định của Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19-3-2008 của Chính phủ về các vấn đề liên quan đến công tác GDDH KĐCL giáo dục đã đặt ra

nhiều nội dung cần được chú ý đến trong quá trình GDDH. Nhà nước đã định hướng đến việc xây dựng các tiêu chuẩn kiểm định, thành lập các tổ chức KĐCL độc lập, chỉ đạo công tác kiểm định. Vấn đề xây dựng thể chế liên quan đến những nội dung này cần được nghiên cứu và triển khai trong thực tế công tác GDDH về giáo dục.

Thứ nhất, vấn đề thể chế về tiêu chuẩn KĐCL GDDH. Các tiêu chuẩn này được xem là những thước đo về các điều kiện đảm bảo chất lượng và chất lượng thực sự của cơ sở đào tạo. Muốn đánh giá chính xác chất lượng của một cơ sở đào tạo đại học vấn đề hoàn thiện bộ tiêu chuẩn cần được xem là một ưu tiên trong định hướng nâng cao hiệu quả GDDH về KĐCL GDDH. Yêu cầu quan trọng của công tác này là làm sao các tiêu chí được xây dựng gần hơn với các tiêu chí đánh giá của các quốc gia có nền giáo dục phát triển trước hết là các quốc gia trong khu vực và tiến dần ra thế giới, các tổ chức KĐCL GDDH quốc tế. Bởi lẽ, KĐCL không phải là để chúng ta có những thông tin báo cáo tốt đẹp về chất lượng khi chất lượng chưa cao. Kiểm định để các cơ sở đào tạo không ngừng hoàn thiện chất lượng, tạo ra sự thay đổi về chất của chất lượng GDDH ở nước ta. Vì vậy, vấn đề xây dựng về tiêu chuẩn kiểm định cần được nghiên cứu trên các phương diện về cơ chế xây dựng, sự tham gia của các cơ sở đào tạo, các tổ chức xã hội nghề nghiệp trong quá trình hình thành các tiêu chuẩn đánh giá.

Các nội dung về quá trình KĐCL cần được hình dung một cách toàn diện. Quá trình kiểm định luôn liên quan đến cơ quan GDDH, bản thân cơ sở đào tạo và cộng đồng xã hội. Mỗi chủ thể này sẽ có những vai trò khác nhau. Vai trò GDDH cần được quy định cụ thể. Nhà nước không thể ôm đồm, tập trung vào những công việc không thuộc chức trách của mình. Sự bao biện, làm thay của Nhà nước trong quá trình kiểm định sẽ không làm giảm hiệu lực,

hiệu quả GDĐH về kiểm định chất lượng GDĐH. Bản thân trách nhiệm của các cơ sở đào tạo đối với quá trình kiểm định cần được quy định trong điều lệ trường đại học. Trong định hướng đổi mới nền giáo dục Việt Nam của Chính phủ, đã đặt vấn đề xây dựng *Luật Giáo dục Đại học*. Điều này cần sớm được triển khai và công tác GDĐH về KĐCL GDĐH cần được quy định trong văn bản luật này.

Nhà nước cũng cần hình dung về giá trị pháp lý của kết quả KĐCL GDĐH đối với các vấn đề liên quan đến hoạt động của nhà trường. Vấn đề đầu tư tài chính từ ngân sách, vấn đề cho phép cơ sở đào tạo đại học được mở rộng quy mô đào tạo khi có những điều kiện đảm bảo chất lượng cần được xem xét. Cần phải có những quy định về sự khác biệt giữa một cơ sở đào tạo đại học đã được kiểm định với một cơ sở đào tạo khác chưa được kiểm định. Nếu không làm rõ được những vấn đề này thì công tác kiểm định sẽ không thể phát huy được vai trò của mình.

Việc cho phép thành lập và hoạt động của các tổ chức kiểm định độc lập rõ ràng là một nội dung rất quan trọng trong quá trình GDĐH. Nhà nước cần phải có những quy định về điều kiện, tiêu chuẩn thành lập và trách nhiệm của các tổ chức này trong quá trình kiểm định. Vai trò GDĐH bảo đảm cho quá trình kiểm định diễn ra đúng quy định của pháp luật, kết quả kiểm định là sự đánh giá chính xác về chất lượng của một cơ sở đào tạo đại học. Các tổ chức kiểm định phải có trách nhiệm xã hội và trách nhiệm pháp lý về hoạt động kiểm định, đánh giá chất lượng đào tạo.

3. Các yêu cầu đặt ra với tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác giáo dục đào tạo trong kiểm định chất lượng.

Để thực hiện chức năng GDĐH trong KĐCL việc xây dựng bộ máy quản lý với đội ngũ cán bộ, công chức có đủ trình độ

chuyên môn, trách nhiệm công vụ là một điều vô cùng cần thiết. Bởi lẽ, chức năng GDĐH sẽ không được hiện thực hoá nếu không có chủ thể thực hiện. Bộ máy quản lý được tổ chức tốt sẽ có tác động quyết định đến hiệu lực và hiệu quả của quá trình quản lý. Nghiên cứu về công tác quản lý KĐCL GDĐH của một số quốc gia trên thế giới, cơ quan trực tiếp làm công GDĐH về KĐCL thường thuộc cơ quan thẩm quyền chung trong GDĐH về giáo dục. Đó có thể là Bộ Giáo dục, Bộ Văn hoá và Thông tin, Bộ Văn hoá và Tôn giáo như ở Thái Lan. Cơ quan GDĐH về kiểm định chủ yếu thực hiện chức năng xây dựng chính sách, trợ giúp, hướng dẫn công tác kiểm định; cấp phép cho các tổ chức kiểm định độc lập và công bố kết quả kiểm định. Cơ quan GDĐH thường không thực hiện chức năng cung cấp dịch vụ công về KĐCL như ở nước ta. Vì vậy, trong định hướng GDĐH trong KĐCL GDĐH cần phải xem xét đến tính hợp lý của việc cơ quan GDĐH về kiểm định vừa quản lý vừa cung cấp dịch vụ công.

Với hệ thống các cơ sở đào tạo đại học trong cả nước đang ngày mở rộng về quy mô, số lượng các ngành học. Công tác KĐCL GDĐH sẽ ngày càng trở nên cần thiết và trở thành một hoạt động phổ biến trong nền GDĐH nước nhà. Vai trò GDĐH đối với công tác này càng cần được chú ý khi việc phân cấp cho các tổ chức GDĐH được đẩy mạnh và mở rộng. Với yêu cầu nâng cao hiệu lực, hiệu quả GDĐH về giáo dục thì quy mô của bộ máy GDĐH cũng cần được nghiên cứu. Hệ thống GDĐH theo khu vực có thể được chia thành các trường đại học trung ương và trường đại học địa phương. Nên chăng chúng ta định hướng xây dựng bộ máy quản lý về KĐCL bao gồm ở trung ương và địa phương. Cơ quan GDĐH về kiểm định ở trung ương sẽ thực hiện thống nhất GDĐH về kiểm định trong phạm vi cả nước. Còn cơ quan quản

lý về KĐCL đối với các trường đại học ở địa phương sẽ do Sở Giáo dục và Đào tạo trực tiếp quản lý.

Trong công tác GDDH trong KĐCL GDDH, vấn đề xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác quản lý cũng cần được chú ý. Hiện nay, đội ngũ cán bộ, công chức trong cơ quan GDDH về KĐCL giáo dục còn thiếu về số lượng và yếu về chất lượng. Số lượng các chuyên gia về KĐCL giáo dục chưa nhiều. Việc xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức GDDH về KĐCL GDDH sẽ thúc đẩy quá trình xây dựng chính sách, cơ chế quản lý về kiểm định, các tiêu chuẩn kiểm định, chỉ đạo công tác kiểm định có hiệu quả và có những sáng kiến và nỗ lực để công tác kiểm định trở thành công cụ hữu hiệu nhất trong việc nâng cao chất lượng GDDH Việt Nam trong tương lai.

4. Các yêu cầu về tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục đại học.

Các tiêu chí kiểm định chính là thước đo các phương diện cần đánh giá, xem xét. Kết quả kiểm định có chính xác hay không, có phản ánh được bức tranh chất lượng của một cơ sở đào tạo đại học hay không phụ thuộc rất lớn vào các tiêu chuẩn kiểm định. Để xây dựng được các tiêu chuẩn kiểm định thiết thực và có hiệu quả chúng ta cần nhận thức đúng về kiểm định, mục đích của kiểm định. Kiểm định nên không chỉ được xem là một công cụ thể hiện trách nhiệm xã hội của các trường mà còn là công cụ hữu hiệu cho việc nâng cao chất lượng đào tạo. Vì thế, các tiêu chuẩn kiểm định cần phải bao gồm và cần phải nhấn mạnh đến những yêu cầu về nâng cao chất lượng bên cạnh những yêu cầu liên quan đến trách nhiệm xã hội. Các tiêu chí kiểm định phải được xây dựng sao cho các trường không chỉ dừng lại ở việc tuân thủ và đáp ứng các tiêu chuẩn kiểm định mà phải vượt xa bằng hơn bằng cách hội tởng và suy ngẫm nhằm hướng đến việc nâng

cao chất lượng liên tục. Trong giai đoạn tới, cần giảm bớt số lượng các tiêu chuẩn và tiêu chí kiểm định. Cần có những tiêu chuẩn và tiêu chí có tính khái quát và tổng hợp cao hơn là những tiêu chí có tính quá cụ thể. Các tiêu chí kiểm định cũng cần phải nhấn mạnh đến kết quả học tập của sinh viên. Bởi xét cho cùng, chất lượng GDDH được thể hiện ở trình độ, kiến thức, thái độ, năng lực nghề nghiệp của sinh viên, mức độ đáp ứng của sinh viên tốt nghiệp với yêu cầu của thị trường lao động. Các tiêu chí đánh giá cần nhấn mạnh đến việc khuyến khích các trường đạt được mục tiêu đề ra của một trường đại học hơn là đạt chuẩn tối thiểu. Các tiêu chuẩn đánh giá cũng cần đạt nặng vấn đề trách nhiệm xã hội của các trường đại học trong việc minh bạch hóa và trách nhiệm xã hội của mình.

Mặt khác, danh sách các thuật ngữ kiểm định, các tiêu chuẩn kiểm định cần được thiết lập và chuẩn hoá và được ban hành trong một văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn. Hiện tại, các tiêu chuẩn kiểm định được ban hành trong Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 65/2007/QĐ-BNV ngày 01-11-2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tuy nhiên, trong định hướng hoàn thiện thể chế GDDH về KĐCL GDDH, chúng ta cần có định hướng xây dựng thành một nghị định của Chính phủ về KĐCL. Bởi vì, theo quy định tại Khoản 1 Điều 100 của Luật Giáo dục 2005: “Chính phủ thống nhất giáo dục đại học về giáo dục”. Khoản 2 Điều 11 Luật Tổ chức Chính phủ năm 2001 quy định về nhiệm vụ quyền hạn của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục như sau: “Quyết định chính sách cụ thể về giáo dục để bảo đảm phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu; ưu tiên đầu tư, khuyến khích các nguồn lực để phát triển sự nghiệp giáo dục, nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, phát hiện, bồi dưỡng và sử dụng nhân tài.

(Xem tiếp trang 51).

tạo, bồi dưỡng, thu hút nguồn nhân lực. Đẩy mạnh xã hội hoá công tác phát triển nguồn nhân lực theo hướng Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp và người lao động học nghề thông qua định hướng thông tin, cơ chế, chính sách... Người lao động chủ động nắm bắt thông tin, tự đào tạo, bồi dưỡng nghề nghiệp, tiếp cận thị trường lao động, tìm kiếm việc làm. Doanh nghiệp có trách nhiệm trong ĐT, BD đội ngũ cán bộ quản lý, công nhân kĩ thuật và lao động đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp trong điều kiện cạnh tranh ngày càng cao của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

- Khuyến khích phát triển thị trường lao động. Đẩy nhanh tốc độ phát triển thị

trường lao động, giới thiệu việc làm. Khuyến khích các thành phần kinh tế, các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển thị trường lao động từ khâu tư vấn, đào tạo, bồi dưỡng nghề nghiệp, giới thiệu việc làm trong tỉnh, trong nước và xuất khẩu... tạo được sự liên kết chặt chẽ giữa kết quả phát triển nguồn nhân lực với sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực. Hàng năm, trích 2% tổng chi ngân sách thường xuyên trên địa bàn và huy động các nguồn lực khác để thực hiện nhiệm vụ phát triển nguồn nhân lực của tỉnh. Nghiên cứu ban hành quy định phân cấp quản lý ngân sách ĐT, BD cán bộ các cấp theo hướng tạo sự chủ động cho các địa phương, đơn vị □

* * * * *

NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG...

(Tiếp theo trang 40)

Thống nhất quản lý hệ thống giáo dục quốc dân về mục tiêu, chương trình, nội dung, kế hoạch giáo dục, tiêu chuẩn giáo viên, quy chế thi cử, hệ thống văn bằng, chức danh khoa học, các loại hình trường, lớp và các hình thức giáo dục khác; thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở và chống tái mù chữ". Khoản 2 Điều 100 Luật Giáo dục năm 2005 quy định: "Bộ Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện giáo dục đại học về giáo dục". Điều 1 Nghị định số 32/2008/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Bộ Giáo dục và Đào tạo là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng GDĐH về giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các cơ sở giáo dục khác về các lĩnh vực: mục tiêu, chương trình, nội dung, kế hoạch, chất lượng giáo dục và đào tạo; tiêu chuẩn nhà giáo, cán bộ

quản lý giáo dục; quy chế thi, tuyển sinh; hệ thống văn bằng, chứng chỉ; cơ sở vật chất và thiết bị trường học; GDĐH đối với các dịch vụ công thuộc lĩnh vực GDĐH của Bộ theo quy định của pháp luật. Chính vì vậy, các tiêu chí KĐCL GDĐH cần được thể chế hoá trong Nghị định của Chính phủ về GDĐH. Trong định hướng đổi mới toàn diện GDĐH Việt Nam, Chính phủ đã đề ra yêu cầu phải xây dựng Luật Giáo dục Đại học. Vấn đề KĐCL GDĐH cần được xác định là một trong những nội dung quan trọng của luật này.

Mặt khác, cần tổ chức đào tạo và huấn luyện về kiểm định. Đào tạo tốt các cấp quản lý và giảng viên của nhà trường cũng như các thành viên đánh giá ngoài đóng vai trò quan trọng cho việc triển khai kiểm định thành công. Các thành viên tham gia quy trình kiểm định sẽ thực hiện tốt vai trò của mình nếu họ hiểu rõ các tiêu chuẩn, quy trình kiểm định và tầm quan trọng của công tác kiểm định □